TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
§éc lËp - Tù do - H¹nh Phóc

Số: 10 /2022/QĐST-HNGĐ

Bố Trạch, ngày 21 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thẩm phán ra quyết định: Ông Nguyễn Thanh Vân.
Người yêu cầu: +Chị Phạm Thị N, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Q.
+Anh Lê Văn T, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Q.
Giấy chứng nhận kết hôn số: 61/2013; quyển số 01/2013, ngày 23/5/2013; tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG:

Theo nội dung Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải về việc tự nguyện ly hôn và hòa giải thành tại Tòa án ngày 04/02/2022, chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T thống nhất trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T đều khai nhận anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 23/5/2013 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng đã hết nên không thể cùng nhau trở về đoàn tụ được. Do đó, anh, chị cùng yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh T thống nhất khai nhận vợ, chồng có 01 con chung là Lê Duy K, sinh ngày 17/5/2014. Anh, chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con vì chị N không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị N và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; chị N không được ngăn cản việc anh T thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Chị N và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, yêu cầu công nhận kết quả hòa giải tại Tòa án được thẩm tra tại phiên hòa giải; ý kiến của các bên tham gia hòa giải, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch nhận định:

[1] Nội dung thỏa thuận trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04/02/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 15 ngày , kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo về việc ghi nhận kết quả hòa giải tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý hòa giải số: 181/2021/TLHG-HNGĐ ngày 21/12/2021; các Điều 55, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 9; các Điều 32,33,34,35 và 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý hòa giải số: 181/2021/TLHG-HNGĐ ngày 21/12/2021, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Lê Văn T thỏa thuận giao con Lê Duy K, sinh ngày 17/5/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Sau khi ly hôn chị N và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; chị N không được ngăn cản việc anh T thăm nom, chăm sóc con chung.

- Tài sản chung: Chị N và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về chi phí hòa giải: Chị N và anh T không phải chịu chi phí hòa giải theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo , kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Anh Tvà chị N, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị, đề nghị xem xét lại Quyết định công nhận kết quả hòa giải trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch(2);
- Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
- Chị Phạm Thị N;
- Anh Lê Văn T;
- UBND xã T (để biết);
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân